

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2020/DSPT
Ngày 18 - 12 - 2020
V/v “T/c Tiền bồi thường hỗ trợ,
bổ sung về đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bích Hải

Các Thẩm phán: Ông Trương Hoài Bình

Ông Thiềm Quốc Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Hồng Phil - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 154/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp tiền bồi thường, hỗ trợ, bổ sung về đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy bị kháng cáo.

Theo Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 15/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** 1/ Ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1955.

2/ Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: Phường A, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lân: Ông Nguyễn Hoàng G (Giấy ủy quyền ngày 12/5/2020, số công chứng 1649, quyển số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hoài Thanh)

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 105 đường Lê Hồng Phong, tổ 12, khu vực 3, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất quận T, thành phố Cần Thơ. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2/ Ông **Nguyễn Quang H**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Phường A, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hùng: Ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1955 (Văn bản ủy quyền ngày 23/6/2020, số công chứng 2221, quyền số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hoài Thanh)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng G trình bày: Tháng 3/2011, ông và vợ là bà Đỗ Thị L bán toàn bộ diện tích nhà và đất cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N với diện tích là 510m². Trong đó, đã được cấp quyền sử dụng đất là 408m² đất thổ cư, còn lại 102m² chưa được cấp quyền sử dụng đất, riêng phần nằm trong công trình cải tạo nâng cấp Quốc lộ 91 vợ chồng ông không được bán nên vợ chồng ông ủy quyền cho vợ chồng ông N được nhận tiền đền bù khi dự án thực hiện. Vào ngày 06/11/2018, Chi nhánh Trung tâm Phát triển Quỹ đất quận T (nay là Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận T) thông báo về nhận số tiền 58.941.000 đồng là tiền bồi thường hỗ trợ, bổ sung về đất công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91 đoạn km 7+000 đến Cầu Sang Tráng 1 cho 31 hộ dân thuộc địa bàn quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (Trong đó có gia đình ông G). Đây là số tiền đền bù phần đất lẻ lộ mà vợ chồng ông Gia bỏ công sức, tiền của để san lấp và sử dụng (trước đây là mương lộ).

Sau khi có thông báo, ông G có liên hệ với Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất quận Bình Thủy để nhận tiền thì ông Nam cũng có mặt. Qua làm việc của Chi nhánh Trung tâm, ông G đề nghị được nhận tiền đền bù này do là ông G đã hủy ủy quyền không cho ông N nhận nữa, về phía ông N không đồng ý với lý do là ông N không đồng ý hủy ủy quyền. Vì vậy, Chi nhánh Trung tâm đề nghị ông G có đơn gửi các cấp có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết, lúc đó ông G có làm đơn đề nghị Chủ tịch UBND phường A giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 13/9/2019, UBND phường A tiến hành hòa giải nhưng không thành vì ông G không đồng ý với ý kiến của ông N đòi chia hai phần tiền hỗ trợ nói trên mỗi bên nhận một phần, vì theo ông G đây là phần công sức vợ chồng ông bỏ ra san lấp mương lộ để sử dụng.

Vì vậy, ông G, bà L khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho vợ chồng ông được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ là 58.941.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Hồ Ngọc T trình bày: Vào năm 2011, vợ chồng ông N, bà T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ vợ chồng ông G, bà L. Vào năm 2015, giữa vợ chồng ông N, bà T và vợ chồng ông G, bà L có phát sinh tranh chấp về tiền bồi thường, hỗ trợ đợt 01 (giá trị là 178.421.400 đồng) và đã giải quyết bằng bản án số 06/2015/DS-ST ngày 23/4/2015 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ và bản án số 29/2016/DSPT ngày 22/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Nay, phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ là 58.941.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất quận T trình bày: Đối với số tiền hỗ trợ mượn lộ là 58.941.000 đồng của ông Nguyễn Hoàng Gia được Ủy ban nhân dân quận T phê duyệt tại Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016. Hiện Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận T đã chuyển trả về cho Chủ đầu tư (Ban quản lý tiểu dự án giải phóng mặt bằng dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91). Khi Bản án của Tòa án có hiệu lực, Ban quản lý dự án sẽ có văn bản đề nghị chủ đầu tư chuyển tiền để chi trả theo đúng quy định. Ngoài ra, Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất quận T không có ý kiến gì thêm và xin vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, đối thoại, xét xử tại Tòa án.

Tại bản án sơ thẩm số 18/2020/DS-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy đã tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng G và bà Đỗ Thị L.

Ông Nguyễn Hoàng G và bà Đỗ Thị L được liên hệ với Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất quận T để nhận số tiền được bồi thường, hỗ trợ 58.941.000 đồng theo Thông báo số 92/TB-CNQBT ngày 06/11/2018 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ – Chi nhánh quận Bình Thủy.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm ngày 13/8/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông N cho rằng phần đất được bồi thường đang có tranh chấp, trước đây là phần mượn lộ do gia đình ông G có công bồi đắp nhưng do ông N đã mua hết diện tích đất của ông Nguyễn Hoàng G và bà Đỗ Thị L nên yêu cầu được nhận tiền bồi thường bổ sung đợt 2. Vì tình nghĩa, ông Nam đồng ý chia đôi số tiền này nhưng ông G không đồng ý nên yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét bác yêu cầu khởi kiện của ông G và bà L.

Ông Nguyễn Hoàng G trình bày: Ông G thừa nhận có ủy quyền cho ông N nhận tiền đền bù trong dự án nâng cấp Quốc 91 khi ký Hợp đồng chuyển nhượng tài sản ngày 28/3/2011 và ngày 12/12/2011. Tiền bồi thường đợt 01, trong đó bồi thường về đất và vật liệu kiến trúc trên đất, ông G công nhận đã ủy quyền cho ông N nhận và đã giao cho ông N xong. Đối với tiền bồi thường đợt 02, đây là bồi thường bổ sung về đất lẽ lộ, phần đất này trong quy hoạch không được sang bán và không nằm trong phần đất chuyển nhượng cho ông N nên ông G không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông N vì trước đó ông G đã hủy ủy quyền về việc cho ông N nhận tiền bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Theo hợp đồng chuyển nhượng nhà ở và đất ở ngày 28/3/2011 giữa nguyên đơn và bị đơn về việc chuyển nhượng toàn bộ nhà, vật kiến trúc trên đất tại thửa số 802, tổng diện tích 510m², trong đó 408m² đất ODT đã được cấp giấy chứng nhận và 102m² đất CLN chưa được cấp giấy chứng nhận. Hợp đồng ngày 28/3/2011, có thỏa thuận trách nhiệm của bên A “Khi mở rộng đường Lê Hồng Phong thì bên A sẽ ủy quyền toàn quyền lợi liên quan đến phần bồi thường lộ giới và nhà đất trên cho bên B (chữ viết tay do bị đơn viết “Được lãnh tiền đền bù”). Dự án mở rộng Quốc lộ 91 đoạn đường Lê Hồng Phong, phường Trà An, quận Bình Thủy thực hiện, phần hỗ trợ đợt 01 bồi thường về đất và vật kiến trúc số tiền là 143.681.903 đồng, ông N nhận; phần bồi thường hỗ trợ 178,6m² số tiền 178.421.400 đồng ông G tranh chấp và đã được giải quyết tại Bản án phúc thẩm số 29 ngày 21,23-3-2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Theo Thông báo số 92 ngày 06/11/2018, phần bồi thường hỗ trợ tài sản bị ảnh hưởng bởi công trình cải tạo nâng cấp Quốc lộ 91 là phần đất lẻ lộ số tiền là 58.941.000 đồng. Theo thỏa thuận ông Gia ủy quyền cho ông Nam được nhận *toàn quyền lợi liên quan đến bồi thường lộ giới và nhà trên đất* và tại Biên bản làm việc ngày 15/6/2020 tại Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định dòng chữ ghi thêm bằng viết mực “Được lãnh tiền đền bù” là do ông N viết và ông G cũng đồng ý với nội dung đó. Theo Thông báo số 92, ông G được nhận số tiền bồi thường bổ sung trên nhưng theo thỏa thuận thì toàn quyền lợi liên quan đến nhà và đất kể cả lộ giới thì ông N được nhận số tiền bồi thường trên nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N thực hiện thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về việc vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Theo Công văn số 203/BQLDA&PTQĐ ngày 15/6/2020, Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất quận T xin vắng mặt trong quá trình giải vụ án nên cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp. Sau khi cấp sơ thẩm xét xử, Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất quận T không có kháng cáo nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[3]. Xét nội dung tranh chấp và nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N: Đề nghị xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do cấp sơ thẩm cho rằng số tiền hỗ trợ 58.941.000 đồng không liên quan đến diện tích đất và nhà mà nguyên đơn đã chuyển nhượng cho bị đơn (phần lẻ lộ,

nằm ngoài 520m² chuyển nhượng) và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Xét nội dung tranh chấp: Nhận thấy, khi ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở giấy tay ngày 28/03/2011, vợ chồng ông Nguyễn Hoàng G, bà Đỗ Thị L chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thùy T một căn nhà tại số 105 khu vực 3, đường Lê Hồng Phong, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ và diện tích đất 510m² (trong đó có 408m² thổ cư, 102m² đất vườn) với giá chuyển nhượng là 4.650.000.000 đồng. Theo khoản 5 trong hợp đồng ngày 28/3/2011, ghi nhận phần trách nhiệm của bên A (bên chuyển nhượng) thể hiện nội dung: “Khi mở rộng đường Lê Hồng Phong thì bên A sẽ ủy quyền toàn quyền lợi liên quan đến bồi thường lộ giới và nhà trên đất cho bên B. *Được lãnh tiền đền bù*” dòng chữ ghi thêm được lãnh tiền đền bù viết thêm trên hợp đồng được thể hiện chữ viết tay. Đây là nội dung ủy quyền chung trong Hợp đồng.

Đến ngày 12/12/2011, ông Nguyễn Hoàng G, bà Đỗ Thị L lập Giấy ủy quyền lần 2 cho ông Nguyễn Văn N với nội dung: “Ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên hệ và nhận tiền bồi hoàn về nhà ở, đất ở, các vật kiến trúc có trên đất, tại thửa đất số: 13, tờ bản đồ số: 55, tọa lạc tại số: 105, đường Lê Hồng Phong, khu vực 3 phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố cần Thơ. Bị ảnh hưởng bởi dự án mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 91, đường Lê Hồng Phong. Lý do ủy quyền: Tôi đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và các vật kiến trúc có trên đất (Hết diện tích) cho ông, và ông Nguyễn Văn N được UBND Quận Bình Thủy, Thành phố cần Thơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ và QSHN ngày 03/10/2011. Thời hạn ủy quyền: Lâu dài”.

Thời điểm ký Hợp đồng ngày 28/3/2011, các bên đều biết có dự án mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 91, một phần đất chuyển nhượng cho bị đơn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ bị ảnh hưởng. Do đó, nguyên đơn đã ủy quyền cho bị đơn về việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ liên quan đến tài sản đã chuyển nhượng cho bị đơn. Các nội dung ủy quyền giấy tay, không được công chứng chứng thực, nhưng đã thể hiện ý chí tự nguyện cam kết thỏa thuận của các bên và được các bên ký xác nhận vào văn bản ủy quyền.

Quá trình thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở bên mua là ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thùy T đã được bên bán bàn giao tài sản và được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản chuyển nhượng. Khi dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 91 được thực hiện theo Thông báo số 72/TB.TTPTQĐ ngày 11/7/2014 và Thông báo số 80/TB.TTPTQĐ ngày 06/8/2014 của Trung tâm phát triển quỹ đất – UBND quận Bình Thủy giai đoạn 01, phần đền bù của phần đất ông Gia chuyển nhượng có số tiền được phê duyệt là:

- Tiền bồi thường về đất: 178.421.400 đồng.
- Tiền bồi thường về nhà, vật kiến trúc: 133.631.930 đồng.
- Tiền bồi thường về hoa màu: 50.000 đồng.

Tuy các bên có phát sinh tranh chấp nhưng được giải quyết xong tại bản án phúc thẩm số 29/2016/DSPT ngày 22/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ và bản án đã có hiệu lực thi hành, bị đơn đã được nhận đầy đủ tiền đền bù liên quan đến tài sản nguyên đơn đã chuyển nhượng, quyền lợi của bị đơn được đảm bảo theo đúng nội dung thỏa thuận của các bên trong việc ủy quyền.

Đến ngày 20/12/2016, UBND quận Bình Thủy ban hành quyết định phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất cho 31 hộ dân bị ảnh hưởng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91 (đoạn Km 7+000 đến cầu Sang Tráng 1), thuộc địa bàn quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, theo danh sách nhận tiền đền bù ông Nguyễn Hoàng G có tên trong danh sách được nhận số tiền là 58.941.000 đồng.

Không đồng ý cho bị đơn nhận tiền đền bù ở giai đoạn 02 nên ngày 16/10/2016, ông G có đơn đề nghị gửi Trung tâm phát triển quỹ đất quận Bình Thủy khi có Thông báo nhận tiền đền bù thì gửi trực tiếp cho ông G.

Vào ngày 9/6/2017, Văn phòng chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất quận Bình Thủy đã mời các bên đến làm việc và lập biên bản nội dung ghi nhận ý kiến của ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Hoàng G thể hiện ông G có ý kiến được nhận tiền đền bù và đề nghị không chi trả cho ông Nam do ông G đã hủy việc ủy quyền cho ông N. Phía ông N không thống nhất với ý kiến của ông G. Nên hai bên phát sinh tranh chấp đến Tòa án và được tòa án cấp sơ thẩm giải quyết xét xử cho ông G được nhận tiền đền bù.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N nhận thấy: Phần tiền đền bù giai đoạn 02 theo Thông báo số 92 ngày 06/11/2018 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ - Chi nhánh Bình Thủy thể hiện chi tiết là tiền bồi thường về đất lẻ lộ, diện tích đất này không nằm trong phần diện tích 510m² chuyển nhượng cho bị đơn. Nhận thấy, nội dung ủy quyền trong Hợp đồng ngày 28/3/2011, không thể hiện rõ ràng về thời hạn ủy quyền và chi tiết quyền lợi của người được ủy quyền, kể từ ngày ủy quyền cho đến khi phát sinh tranh chấp đã hơn 08 năm, nguyên đơn có quyền rút lại nội dung ủy quyền. Căn cứ theo điều 569 bộ luật dân sự, khi đơn phương chấm dứt việc ủy quyền thì bên ủy quyền phải thông báo trước. Đối với nội dung ủy quyền ngày 28/3/2011, thì trước khi có Thông báo số 92 phía nguyên đơn đã rút lại việc ủy quyền và được ghi nhận trong biên bản làm việc tại Trung tâm phát triển quỹ đất quận Bình Thủy ngày 09/6/2017. Mặt khác, phần đất lẻ lộ phía nguyên đơn đã có công sức cải tạo bồi đắp trước khi chuyển nhượng cho bị đơn, tại phiên tòa phía bị đơn cũng thừa nhận sự việc này. Do vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho nguyên đơn được nhận tiền đền bù là phù hợp.

Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn N là không có cơ sở chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 92, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 163, Điều 563, Khoản 2 điều 569 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng G và bà Đỗ Thị L.

Ông Nguyễn Hoàng G và bà Đỗ Thị L được quyền liên hệ với Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất quận Bình Thủy để nhận số tiền được bồi thường, hỗ trợ 58.941.000 đồng (Năm mươi tám triệu chín trăm bốn mươi một ngàn đồng) theo thông báo số 92/TB-CNQBT ngày 06/11/2018 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ – Chi nhánh quận Bình Thủy.

3. Về án phí dân sự:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn N phải nộp 2.947.050 đồng.

- Về án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng, số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng ông N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 004658 ngày 13/8/2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân TP. Cần Thơ;
- TAND Q. Bình Thủy;
- Chi cục THADS Q. Bình Thủy;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bích Hải